TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2024/DS-PT
Ngày: 18/9/2024
V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và chia tài sản chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Văn Lộc**

Ông **Nguyễn Văn Trường**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Chiếm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Anh Tuấn** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 tháng 8 năm 2024 và ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và chia tài sản chung"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 233/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị N**, sinh năm: 1969. Địa chỉ: ấp V, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt

2. Bị đơn: Chị **Hồ Thị Kim H**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long: có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị **Hồ Thị Hồng N1**, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

3.2 Anh **Nguyễn Phi C**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp V, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long: vắng mặt

3.3 Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long: vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị N trình bày: Bà Đỗ Thị N có chồng là ông Hồ Phước B, sinh năm 1966 (chết ngày 19/6/2022), bà N, ông B có một con chung là Hồ Thị Hồng N1. Bị đơn, Hồ Thị Kim H là cháu gọi ông B là chú.

Vợ chồng ông B, bà N có quyền sử dụng các thửa đất số 227, tờ bản đồ số 6, diện tích là 2.186,5m^2, loại đất LUC, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 12, diện tích là 809,4m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích là 708,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm. Các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, do ông Hồ Phước B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất số 30 có căn nhà cấp 4 của bà N, ông B xây dựng năm 2017.

Nguồn gốc các thửa đất số 227, 22, 30 của cha, mẹ ông B là cụ Hồ Văn N2 và cụ Nguyễn Thị N3 (cụ ông N3, cụ bà N3 đã chết). Cụ thể thửa 30 là do bà N nhận chuyển nhượng của vợ chồng cụ N3 vào ngày 19/10/1989. Riêng thửa đất số 227, thửa 22 thì cha mẹ ông B tặng cho vào năm 1988.

Tháng 6/2021, ông B tự ý chuyển nhượng thửa đất số 227 cho Nguyễn Phi C không có sự đồng ý của bà N. Ngày 25/10/2021, ông B tự lập di chúc tặng cho thửa 22 và 30 cho bị đơn chị Hồ Thị Kim H mà không có sự đồng ý của bà N. Thửa đất số 227, đã giao cho Nguyễn Phi C quản lý canh tác đã lập thủ tục sang tên, nay thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Thửa đất 22, thửa đất 30 hiện do bà N, chị N1 quản lý canh tác.

Trong quá trình quản lý, canh tác phát sinh nhiều ý kiến bất đồng không khắc phục được. Vì thế, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Vô hiệu Di chúc chứng thực số 785, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD lập ngày 25/10/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận cho bà N trọn quyền sử dụng thửa đất 22 và thửa 30 và căn nhà cấp 4 có trên thửa số 30. Vì đất này là của vợ, chồng không có công sức đóng góp của con hay ai khác.

Về cây trồng có trên đất thửa số 22, nhà và cây trồng có trên thửa đất số 30 thì thống nhất không yêu cầu Toà án định giá, mà Toà án xét xử giao ai thửa đất nào thì người đó hưởng và không yêu cầu định giá, xem xét giải quyết.

Về giá đất thống nhất theo xác định của Ủy ban nhân dân xã C ngày 22/11/2023.

Về chi phí tố tụng đề nghị Toà án giải quyết theo luật định.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 18 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Hồ Thị Kim H trình bày: Về mối quan hệ nhân thân, nguồn gốc các thửa đất như bà N trình bày là đúng, nhưng đối với thửa đất số 30 thì ông B, bà N có nhận chuyển nhượng của cụ N3 hay không, thì chị H không xác định được. Vào ngày 25/10/2021, chú ruột của chị H là ông Hồ Phước B có lập Di chúc và được Uỷ ban nhân thị trấn C chứng thực số 785, quyển số 01/2021-SCT/HĐ, GD. Di chúc có nội dung:

Ông Hồ Phước B để lại di sản thừa kế cho chị H gồm: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 12, diện tích là 809,4m^2, loại đất CLN, hiện tọa lạc tại ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, do ông Hồ Phước B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 13/7/2021. Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích là 708,9m2, loại đất ONT+CLN, hiên tọa lạc tại ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, do ông Hồ Phước B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 31/12/2014. Trên đất có căn nhà cấp 4 do ông B xây dựng năm 2017.

Di chúc do ông B lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, lúc chứng thực có mặt chị H, nhưng người chứng thực có xem căn cước công dân của chị H, chị H không có ký tên.

Ngày 19/6/2022, ông B chết, đến nay thì chị H chưa lập thủ tục sang tên, chưa nhận đất canh tác. Thửa đất số 22, 30 hiện bà N, chị N1 quản lý. Chị H và bà N đồng thu hoạch cây trái (bà N thì bán cây trái, còn chị H thì thu hoạch hái trái ăn). Từ khi ông B chết đến nay, bà N, chị H, chị N1 không có cải tạo đóng góp công sức gì trên thửa đất số 22 và 30.

Do vậy, chị H không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà N, về việc vô hiệu di chúc và công nhận quyền sử dụng thửa đất số 22 và 30 cho bà N. Đồng thời, chị H yêu cầu Toà án công nhận di chúc chứng thực số 785, quyển số 01/2021-SCT/HĐ, GD lập ngày 25/10/2021 tại UBND thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long là hợp pháp. Chị H được quyền quản lý canh tác đất, cây trồng, nhà có trên đất và đăng ký kê khai theo

luật định. Trường hợp Toà án tuyên bố vô hiệu di chúc thì đề nghị Toà án giải quyết hậu quả vô hiệu theo luật định.

Đối với thửa đất số 227, ông B chuyển nhượng cho Nguyễn Phi C, đã giao đất và sang tên cho Nguyễn Phi C xong. Nay thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cây trồng có trên đất thửa số 22, nhà và cây trồng có trên thửa đất số 30 thì thống nhất không yêu cầu Toà án định giá, mà Toà án xử giao ai thửa đất nào thì người đó hưởng và không yêu cầu định giá, xem xét giải quyết.

Về giá đất thống nhất theo xác định của Ủy ban nhân dân xã C ngày 22/11/2023.

Về chi phí tố tụng đề nghị Toà án giải quyết theo luật định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hồ Thị Hồng N1 trình bày: Thống nhất với trình bày của bà N, cho rằng các thửa đất số 227, 22, 30 là của cha, mẹ, chị N1 không có công sức đóng góp, nên giao cho bà N trọn quyền sử dụng, chị N1 không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà Nguyễn Thị P với ông B cưới nhau vào năm 2003, chung sống không có đăng ký kết hôn, không có con chung. Khi ông B chết, bà P về nhà riêng của mình sinh sống đến nay. Các thửa đất số 20, 30, 227 là của ông B có trước khi ông B chung sống với bà P, không có liên quan gì đến bà P, bà P không có công sức đóng góp về cây trồng và tài sản có trên đất tranh chấp. Bà P không có yêu cầu Toà án giải quyết, đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Mang thít đã quyết định:

Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 617, 620, 623, 624, 627, 630, 636, 643, 649, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 14, 15, 16, 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai; các khoản 2, 5 Điều 26 và các Điều 35, 39, 92, 147, 157, 158, 227, 228, 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, 26, 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị N:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị N, về việc yêu cầu Toà án tuyên bố vô hiệu Di chúc chứng thực số 785, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD, ngày 25/10/2021 của ông Hồ Phước B tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Công nhận cho nguyên đơn bà Đỗ Thị N trọn quyền sử dụng thửa đất 22 và cây trồng có trên đất, thửa 30 gắn liền căn nhà cấp 4 và cây trồng có trên thửa số 30, nguyên đơn bà Đỗ Thị N đăng ký kê khai theo luật định.

1.2 Tuyên bố Di chúc chứng thực số 785, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD, ngày 25/10/2021 của ông Hồ Phước B tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật một phần.

1.3 Chia cho nguyên đơn bà Đỗ Thị N thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích là 708,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc 3, 4, 5, 6, 7, 3 do ông Hồ Phước B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 31/12/2014 gắn liền với nhà và cây trồng có trên đất, hiện do nguyên đơn bà Đỗ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hồng N1 quản lý, canh tác, đất hiện tọa lạc tại ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Hình thể, vị trí, giáp giới phần đất được chia cho nguyên đơn bà Đỗ Thị N được thể hiện theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M lập ngày 09 tháng 6 năm 2023 kèm theo.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng phần đất được chia theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn chị Hồ Thị Kim H:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Kim H, về việc yêu cầu Toà án tuyên bố Di chúc chứng thực số 785, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD, ngày 25/10/2021 của ông Hồ Phước B tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Bị đơn chị Hồ Thị Kim H được trọn quyền sử dụng thửa đất số 22 và 30 cùng cây trồng, nhà có trên đất, bị đơn chị Hồ Thị Kim H đăng ký kê khai theo luật định.

2.2. Tuyên bố Di chúc chứng thực số 785, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD, ngày 25/10/2021 của ông Hồ Phước B tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật một phần.

2.3. Chia cho bị đơn chị Hồ Thị Kim H thửa đất số 22, tờ bản đồ số 12, diện tích là 809,4m^2, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng câu lâu năm (trong đó, đất ở 300m^2, đất trồng cây lâu năm 509,4m^2), gồm các mốc 1, 2, 3, 7, 8, 9, 1 do ông Hồ Phước B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh V cấp ngày 13/7/2021 và cây trồng hiện có trên đất, đất hiện tọa lạc tại ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Hình thể, vị trí, giáp giới phần đất được chia cho bị đơn chị Hồ Thị Kim H được thể hiện theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M lập ngày 09 tháng 6 năm 2023 kèm theo.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hồng N1 có trách nhiệm giao phần đất được chia cho bị đơn chị Hồ Thị Kim H.

Bị đơn chị Hồ Thị Kim H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng phần đất được công nhận theo quy định của pháp luật.

2. Buộc bị đơn chị Hồ Thị Kim H có trách nhiệm hoàn trả giá trị chênh lệch tài sản được chia cho nguyên đơn bà Đỗ Thị N là 27.424.850 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn Đỗ Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm, tuyên vô hiệu di chúc theo chứng thực số 785, quyển số 01/2021-SCT/HĐ lập ngày 25/10/2021 tại UBND thị trấn C của ông Hồ Phước B. Công nhận cho bà N được quyền sử dụng đất các thửa 22, 30 và căn nhà trên thửa 30 và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí khảo sát, đo đạc, định giá.

Tại Quyết định kháng nghị số 293/QĐ-VKS-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 644 BLDS, chia thừa kế cho bà N không phụ thuộc vào nội dung di chúc bằng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật là 77.743.000/2 x 2/3 = 25.914.000 đồng. Về án phí, áp dụng khoản 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố về việc công nhận hiệu lực của di chúc và bổ sung nội dung tuyên di chúc không có hiệu lực một phần để chia tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Nguyên đơn có kháng cáo trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo và không đồng ý kháng nghị.

Lý do kháng cáo: Nguồn gốc thửa đất số 227 loại đất ruộng của cha mẹ chồng cho nhưng ông B đã chuyển nhượng được 300.000.000 đồng để trị bệnh 200.000.000 đồng; phần còn lại 100.000.000 đồng đã chi mai táng cho ông B. Đây là tài sản chung của vợ chồng mà ông B đã hưởng. Do vậy, các phần đất còn lại thửa 22 và 30 là tài sản của bà trong phần tài sản chung vợ chồng nên tuy di chúc có hợp lệ thì ông B cũng không có quyền định đoạt đối với các thửa đất còn lại này.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất: Phần đất tranh chấp chỉ gồm thửa 22 và 30. Đối với phần đất thửa 227, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết với lý do ông B đã chuyển nhượng đất để trị bệnh và chi phí mai táng cho ông B, người nhận chuyển nhượng cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cây trồng thửa 22 gồm 19 cây dừa 10 năm tuổi, 04 cây sầu riêng 10 năm tuổi, các đương sự thống nhất giá trị cây trồng bằng 10 triệu đồng. Căn nhà và cây trồng trên thửa 30 cũng trị giá 10 triệu đồng nên các đương sự không tranh chấp giá trị nhà, cây trồng; phần đất được giao cho ai thì tài sản trên đất do người đó sở hữu.

Vấn đề không thống nhất: Nguyên đơn cung cấp Giấy khám sức khỏe số 91/GKSK-GĐYK ngày 21/4/2020 và cho rằng theo kết luận tại Giấy khám sức khỏe, ông B không đủ năng lực chủ thể để lập di chúc nhưng bị đơn không đồng ý và cung cấp Di chúc ngày 25/10/2021 kèm Giấy khám sức khỏe số 127/GKSK-GĐYK ngày 04/10/2021 và cho rằng theo Giấy khám sức khỏe, ông B đủ năng lực chủ thể để lập di chúc.

Tòa án tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu Trung tâm giám định y khoa – Sở Y tế tỉnh V thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan kết luận giám định.

Tại văn bản số 78/GĐYK ngày 10/9/2024, Trung tâm giám định y khoa – Sở Y tế tỉnh V xác định: Các giấy khám sức khỏe của ông Hồ Phước B do nguyên đơn, bị đơn cung cấp đều do Trung tâm Giám định y khoa – Sở Y tế tỉnh V thực hiện.

Theo kết luận tại Giấy khám sức khỏe số 127/GKSK-GĐYK ngày 04/10/2021, ông Hồ Phước B có đủ điều kiện về chủ thể để lập di chúc. Lý do: Với kết quả khám lâm sàng T – Thần kinh, không suy giảm nhận thức; người khám là bác sỹ chuyên khoa của Bệnh viện T1.

Giấy khám sức khỏe số 91/GKSK-GĐYK ngày 21/4/2020 có giá trị trong 12 tháng, kể từ ngày kết luận và đã hết hiệu lực vào ngày 21/4/2021. Do tình trạng sức khỏe của ông Hồ Phước B khám sức khỏe tại hai thời điểm khác nhau với khoảng cách gần 18 tháng nên có kết luận khác nhau.

Trên cơ sở căn cứ Điều 630 Bộ luật dân sự và Quyết định số 16/2006/QĐ-BYT ngày 17/5/2006 của Bộ Y: Không có yêu cầu nào bắt buộc người lập di chúc phải có giấy khám sức khỏe. Tuy nhiên, để tránh tranh chấp không đáng có, khuyến khích người lập di chúc nên chuẩn bị giấy khám sức khỏe để chứng minh bản thân đủ điều kiện, minh mẫn, sáng suốt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu quan điểm về án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít là hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Phi C, bà Nguyễn Thị P. Đương sự vắng mặt không có kháng cáo. Nguyên đơn, bị đơn xác định không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về việc chia thừa kế cho bà Đỗ Thị N không phụ thuộc vào nội dung di chúc.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà N là vợ của ông B và không thuộc trường hợp không được nhận thừa kế nên được hưởng di sản bằng hai phần ba suất của người thừa kế theo pháp luật, không phụ thuộc nội dung di chúc là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 644 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể, bà N được chia giá trị hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật di sản của ông B trong một nửa giá trị

tài sản chung vợ chồng với bà N là quyền sử dụng đất thửa số 22, thửa 30 có giá trị bằng 155.485.000 đồng nên di sản của ông B có giá trị 77.743.000 đồng. Nếu chia thừa kế theo pháp luật thì người hưởng thừa kế gồm bà N và chị N1 là hai kỷ phần nên phần của bà N được chia thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc nội dung di chúc bằng 25.914.000 đồng. Do vậy, chia thừa kế theo di chúc cho chị H và chia tài sản chung cho bà N bằng hiện vật và bằng tiền như án sơ thẩm xác định, đồng thời còn chia thừa kế cho bà N không phụ thuộc nội dung di chúc, chị H phải trả thêm giá trị chia thừa kế cho bà N không phụ thuộc nội dung di chúc như kháng nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Đỗ Thị N về việc yêu cầu Tòa án không chia thừa kế theo di chúc cho chị Hồ Thị Kim H.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà N đã không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với thửa số 227 có nguồn gốc ông B được tặng cho và xác định di sản của ông B chỉ còn thừa 22 và thửa 30 như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện. Quá trình giải quyết vụ án, bà N thừa nhận tuy là vợ của ông B nhưng đã ly thân từ năm 1997, trong thời gian bị bệnh, ông B được chị H chăm sóc; ông B cũng không đồng ý cho bà N về ở và đã lập di chúc để lại tài sản cho chị H, được cơ quan y tế xác định tại thời điểm lập di chúc, ông B có đủ điều kiện năng lực về chủ thể để lập di chúc nên chia thừa kế theo di chúc cho chị H phần tài sản của ông B trong tài sản chung vợ chồng với bà N và chia thừa kế cho bà N không phụ thuộc vào nội dung di chúc như quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên kháng cáo của bà N là không đủ cơ sở để được chấp nhận.

[2.3] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về việc buộc đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện liên quan hiệu lực di chúc không được chấp nhận.

Cấp sơ thẩm không buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu xác định hiệu lực của di chúc tương ứng với yêu cầu không được chấp nhận là chưa phù hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tại cấp phúc thẩm. Tổng cộng 4.000.000 đồng. Đương sự phải chịu tương ứng tỷ lệ giá trị tài sản được chia. Cụ thể: Bà Đỗ Thị N phải chịu 2.680.000 đồng, chị H phải chịu 1.320.000 đồng.

Do bà N đã nộp tạm ứng toàn bộ nên chị H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà N số tiền 1.320.000 đồng.

[4] Về án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N và chị H phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng giá trị tài sản được chia và án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu liên quan hiệu lực di chúc không được chấp nhận. Cụ thể, bà N phải chịu (77.742.500 đồng + 25.914.000 đồng) x 5% + 300.000 đồng = 5.483.000 đồng (số tròn). Chị H phải chịu 51.828.000 đồng x 5% + 300.000 đồng = 2.891.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do đương sự đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án do không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Đỗ Thị N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 617, 620, 623, 624, 627, 630, 636, 643, 644 649, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 14, 15, 16, 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai; các khoản 2, 5 Điều 26, và các Điều 35, 39, 92, 147, 157, 158, 227, 228, 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, 26, 27, 29 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị N và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Hồ Thị Kim H.

1.1. Vô hiệu một phần nội dung Di chúc chứng thực số 785, quyển số 01/2021-SCT/HĐ,GD, ngày 25/10/2021 của ông Hồ Phước B tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc cho bà Đỗ Thị N thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích là 708,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc 3, 4, 5, 6, 7, 3 theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 09/06/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M và căn nhà, cùng toàn bộ cây trồng trên đất. Phần đất và tài sản trên hiện do bà Đỗ Thị N và chị Hồ Thị Hồng N1 quản lý canh tác.

1.3. Chia thừa kế theo di chúc cho chị Hồ Thị Kim H thửa đất số 22, tờ bản đồ số 12, diện tích là 809,4m^2, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng câu lâu năm (trong đó, đất ở 300m^2, đất trồng cây lâu năm 509,4m^2), gồm các mốc 1, 2, 3, 7, 8, 9, 1 theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 09/06/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M và cây trồng hiện có trên đất.

Buộc bà Đỗ Thị N và chị Hồ Thị Hồng N1 có trách nhiệm giao phần đất và cây trồng nêu trên cho chị Hồ Thị Kim H.

2. Các phần đất trên cùng tọa lạc tại ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Đỗ Thị N và chị Hồ Thị Kim H có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia theo quy định của pháp luật đất đai. Hình thể, vị trí, giáp giới phần đất được chia cho bà Đỗ Thị N và chị Hồ Thị Kim H theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký dất đai huyện M lập ngày 09 tháng 6 năm 2023 kèm theo.

3. Buộc chị Hồ Thị Kim H có trách nhiệm hoàn trả giá trị chênh lệch tài sản được chia cho bà Đỗ Thị N là 27.424.850 đồng và giá trị chia thừa kế không phụ thuộc di chúc là 25.914.000 đồng. Tổng cộng: 53.338.850 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm ba mươi tám nghìn tám trăm năm mươi đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; khảo sát, đo đạc là 4.000.000 đồng, nguyên đơn bà Đỗ Thị N phải chịu là 2.680.000 đồng, bị đơn chị Hồ Thị Kim H phải chịu là 1.320.000 đồng. Nguyên đơn bà Đỗ Thị N đã nộp xong nên buộc bị đơn chị Hồ Thị Kim H phải nộp hoàn trả nguyên đơn bà Đỗ Thị N là 1.320.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.483.000 đồng (năm triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số N^{o} 0007393 ngày 14/10/2022, số N^{o} 0007392 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, bà Đỗ Thị N còn phải nộp 4.883.000 đồng (bốn triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hồ Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.891.000 đồng (hai triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng dân sự đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số N^{o} 0005578 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, chị Hồ Thị Kim H còn phải nộp là 2.591.000 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Người kháng cáo không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị N 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0005830 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Mang Thít;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Mang Thít;
- CCTHADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(NGA - HUỆ)

Lâm Triệu Hữu